

Số: /QĐ-SKHCN

Khánh Hòa, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc,
thiết bị chuyên dùng của Sở Khoa học và công nghệ Khánh Hòa**

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức Sở Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Công văn số 8287/UBND-KT ngày 31/8/2022 về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng và sử dụng diện tích công trình sự nghiệp;

Căn cứ Công văn số 3900/STC-CS&TCDN ngày 30/9/2022 của Sở Tài chính về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Sở Khoa học và Công nghệ Khánh Hòa theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng:

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước; giao, đầu tư, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị.

2. Việc trang bị, thay thế máy móc thiết bị chuyên dùng tại các đơn vị không được vượt quá tiêu chuẩn, định mức được quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 214/QĐ-SKHCN ngày 21/12/2021 về việc ban hành danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Sở Khoa học và Công nghệ Khánh Hòa; Quyết định số 215/QĐ-SKHCN ngày 21/12/2021 về việc ban hành danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Quyết định số 228/QĐ-SKHCN ngày 30/12/2021 về việc ban hành danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Quyết định số 202/QĐ-SKHCN ngày 02/12/2021 về việc ban hành danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ Khánh Hòa.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở; các Trưởng/ Phó phòng; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính Khánh Hòa;
- KBNN Khánh Hòa;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trang TTĐT của Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Lê Vinh Liên Trang

Phụ lục
Danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng
của Sở Khoa học và công nghệ Khánh Hòa
(Ban hành kèm Quyết định số /QĐ-SKHCHN ngày /12/2022
của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ)

STT	Danh mục máy móc thiết bị	Đơn vị tính	Định mức	Hiện có	Bổ sung
A	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ				
I	Danh mục MMTB chuyên dùng phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành Khoa học và Công nghệ				
1	Máy đo nhanh trị số octan	Cái	01	01	-
2	Bộ bình chuẩn: 2L, 5L, 10L	Bộ	03	03	-
3	Bộ thiết bị bảo hộ an toàn bức xạ	Bộ	02	-	02
4	Bộ thiết bị kiểm tra hàng đóng gói sẵn (cân điện tử 60kg và phần mềm kiểm tra hàng đóng gói sẵn)	Bộ	01	01	-
5	Cân điện tử (3100g)	Cái	01	-	01
6	Bộ quả cân chuẩn E2	Bộ	01	-	01
7	Máy tính xách tay cấu hình cao phục vụ công tác thanh tra	Cái	01	01	-
II	Danh mục MMTB chuyên dùng phục vụ họp hội đồng Khoa học công nghệ				
1	Máy tính xách tay cấu hình cao phục vụ họp hội đồng KHCN	Cái	01	01	-
III	Danh mục MMTB chuyên dùng phục vụ Thẩm định điều kiện cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ				
1	Thiết bị đo suất liều bức xạ cầm tay	Cái	01	01	-
B	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng				
I	Kiểm tra xăng dầu				
1	Bộ bình chuẩn inox (2L, 5L, 10L, 20L)	Cái	04	04	
2	Bộ thiết bị đo nhanh trị số Octan và hàm lượng phần trăm ethanol trong xăng, trị số Cetan trong dầu điêzen	Bộ	01	0	01
II	Kiểm tra hàng đóng gói sẵn				
1	Cân bàn điện tử 150 kg	Cái	01	01	
2	Cân bàn điện tử 60 kg	Cái	01	01	
3	Cân kỹ thuật điện tử 310 g	Cái	01	01	
4	Bộ thiết bị kiểm tra hàng đóng gói sẵn	Bộ	01		01
III	Kiểm tra kinh doanh vàng, trang sức, mỹ nghệ				
1	Bộ quả cân chuẩn E2	Bộ	01	01	

IV	Kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa				
1	Bộ thiết bị đo nhanh hàm lượng kim loại trong các sản phẩm, hàng hóa mặt hàng điện và điện tử, đồ chơi trẻ em, các sản phẩm tiêu dùng trong công nghiệp, đo nhanh hàm lượng vàng	Bộ	01	0	01
2	Máy tính xách tay cấu hình cao phục vụ kiểm tra, thanh tra đo lường, chất lượng	Cái	01	0	01
C	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Khoa học Công nghệ				
A	Máy móc thiết bị Công nghệ sinh học				
1	Tủ Cấy Vi Sinh dòng khí thổi đứng	cái	1		1
2	Tủ cấy vô trùng cấp I	cái	1		1
3	Tủ cấy vô trùng cấp II	cái	1		1
4	Tủ vi khí hậu (Tủ nảy mầm)	cái	1		1
5	Tủ âm thường	cái	1		1
6	Tủ âm lạnh	cái	1		1
7	Máy phân phối môi trường bán tự động	cái	1		1
8	Pipet các loại (Pipet đơn kênh)	bộ	1		1
9	Máy khuấy từ gia nhiệt	cái	2		2
10	Máy cất nước 2 lần	cái	1		1
11	Máy đo PH để bàn	cái	1		1
12	Máy ảnh kỹ thuật số (Canon) + Lens	bộ	1		1
13	Nồi hấp tiệt trùng tự động	cái	2		2
14	Tủ sấy	cái	1		1
15	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	cái	1		1
16	Kính hiển vi kết nối máy tính	cái	1		1
17	Cân phân tích độ phân giải 10-4g	cái	1		1
18	Cân kỹ thuật 2 số lẻ	cái	1		1
19	Cân sấy ẩm (Thiết bị phân tích ẩm)	cái	1		1
20	Cân bàn loại 60kg	cái	1		1
21	Bể rửa siêu âm	cái	1		1
22	Tủ bảo quản mẫu 0 đến +15°C	cái	1		1
23	Lò vi sóng 30L	cái	1		1
24	Máy đo cường độ ánh sáng	cái	1		1
25	Giàn nuôi cấy mô	cái	20		20
26	Tủ lưu trữ hóa chất	cái	2		2
27	Tủ hút khí độc	cái	1		1
28	Tủ lạnh âm sâu -40°C bảo quản gen	cái	1		1
29	Kệ cây giống	cái	30		30
30	Bộ điện di ADN	cái	1		1
31	Máy nhân gel (PCR)	cái	1		1

32	Máy quang phổ	cái	1		1
33	Máy đo cường độ quang hợp	cái	1		1
34	Máy đo cường độ hô hấp	cái	1		1
35	Máy đo diện tích lá	cái	1		1
36	Máy đo diệp lục cầm tay	cái	1		1
37	Lò phá mẫu	cái	1		1
38	Máy đếm hạt tự động	cái	1		1
B	Máy móc thiết bị Công nghiệp ứng dụng				
I	Bộ phận Xưởng cơ khí				
1	Máy Tiện Vặn Năng Độ Chính Xác Cao	cái	1		1
2	Máy phay đa năng độ chính xác cao (đứng- ngang)	cái	1		1
3	Máy Khoan Đứng Độ chính xác Cao	cái	1		1
4	Máy Khoan Từ	cái	1		1
5	Máy quét 3D và Phần mềm thiết kế ngược	bộ	1		1
6	Máy mài mặt phẳng	cái	1		1
7	Máy Mài Dụng Cụ Cắt Đa Năng	cái	1		1
8	Trung tâm gia công đứng CNC 5 trục	bộ	1		1
II	Phân xưởng tạo Phôi				
1	Máy Hàn CO2/MAG/MIG	cái	1		1
2	Máy hàn xung TIG/MAG/AC/DC inverter	cái	1		1
3	Máy hàn Plasma	cái	1		1
4	Máy Cắt Plasma	cái	1		1
5	Bộ hàn cắt Oxy - Acetylen	bộ	1		1
6	Máy Cưa Đứng	cái	1		1
7	Máy Cắt Đột Liên Hợp	cái	1		1
8	Máy Uốn Tôn Thủy Lực	cái	1		1
9	Máy Uốn Thép Hình Thủy Lực	cái	1		1
III	Thiết bị và dụng cụ hỗ trợ				
1	Hệ thống máy nén khí trục vít	hệ thống	1		1
2	Bàn Ngủi 2 vị trí + ngăn đựng dụng cụ	bộ	3		3
3	Máy cắt góc đa năng	cái	1		1
4	Tủ dụng cụ 7 ngăn và 225 chi tiết dụng cụ	cái	2		2
5	Cổng Trục Đẩy Tay	cái	1		1
6	Xe Nâng Lắc Tay 1500kg	cái	2		2
7	Xe Nâng Lắc Tay 5000kg	cái	2		2
8	Cầu nâng 2 trụ - 4 Tấn	cái	1		1
9	Máy ren răng ống	cái	1		1
10	Súng hơi	cái	1		1
IV	Dụng cụ đo				

1	Panme đo ngoài điện tử (Dải đo: 25-50 mm; Giá trị vạch chia: 0,001 mm)	cái	2		2
2	Thước cặp điện tử (Dải đo: 0-200 mm; Giá trị vạch chia: 0,01 mm)	cái	5		5
3	Thước cặp đo cơ: Phạm vi đo: 0-600mm Độ chia: 0,02mm	cái	1		1
4	Thước cặp đo cơ: Phạm vi đo: 0-1000mm Độ chia: 0,02mm	cái	1		1
5	Thước đo cao hiện số	cái	1		1
6	Bộ đồng hồ so đo lỗ Horex	cái	1		1
7	Bản Map	cái	2		2
8	Phụ kiện kèm theo TABLE STAND (600x450mm)	cái	2		2
V	Kiểm toán - tiết kiệm năng lượng				
1	Thiết bị Giám Sát Chất Lượng Điện Năng	bộ	1		1
2	Ampere Kìm	cái	1		1
3	Đồng hồ vạn năng	cái	1		1
4	Máy đo nhiệt độ hồng ngoại	cái	1		1
5	Thiết bị phân tích khí-khói thải	cái	1		1
6	Thiết bị đo rò rỉ khí cháy	cái	1		1
7	Thiết bị đo rò rỉ môi chất lạnh	cái	1		1
8	Lưu lượng kế siêu âm cầm tay	cái	1		1
9	Thiết bị đo chân không cầm tay	cái	1		1
10	Thiết bị đo khí CO cầm tay	cái	1		1
11	Thiết bị đo độ ẩm	cái	1		1
12	Hệ thống đo rung động 3 trục và độ ồn	hệ thống	1		1
VI	Ứng dụng bức xạ				
1	Máy đo đa năng các thông số kV, thời gian, mA, mAs, HVL, dạng sóng, liều và suất liều cho máy X-Quang thông thường, X-Quang tăng sáng, máy CT	cái	1		1
2	Máy đo suất liều phóng xạ tia X và gamma	cái	2		2
3	Phantom kiểm tra độ chuẩn trực, trường sáng trường xạ	cái	1		1
4	Dụng cụ kiểm tra kích thước tiêu điểm của bóng phát tia X	cái	1		1
5	Phantom chuẩn kiểm tra chất lượng hình ảnh máy CT	cái	1		1
6	Dụng cụ kiểm tra chất lượng hình ảnh máy X-quang tăng sáng truyền hình	cái	1		1
D	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng				
D.I	LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM				

I	THỬ NGHIỆM HÓA-VI SINH-MÔI TRƯỜNG				
1	Cân phân tích 3 số lẻ (320g x 0.001g)	Cái	2		2
2	Cân phân tích 4 số lẻ (210g x 0.0001g)	Cái	2	1	1
3	Cân phân tích 5 số lẻ (80g x 0.00001g)	Cái	1		1
4	Cân kỹ thuật 2 số lẻ (4.100g x 0.01g)	Cái	3	1	2
5	Hệ thống máy quang phổ hấp thụ nguyên tử	Bộ	1	1	
6	Hệ thống sắc ký khí ghép nối khối phổ (GCMS)	Bộ	1		1
7	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	Bộ	1		1
8	Máy quang phổ huỳnh quang tia X phân tích kim loại	Bộ	1		1
9	Hệ thống sắc ký khí ghép nối khối phổ 2 lần (GC-MS/MS)	Bộ	1		1
10	Hệ thống sắc ký lỏng khối phổ hai lần (LC-MS/MS)	Bộ	1		1
11	Hệ thống sắc ký lỏng ghép khối phổ (HPLC/MS)	Bộ	1		1
12	Hệ thống Sắc ký Ion (IC)	Bộ	1		1
13	Máy phân tích chất lượng xăng, dầu	Bộ	1		1
14	Máy sinh khí Hydrogen	Bộ	1		1
15	Máy sinh khí Nitrogen	Bộ	1		1
16	Thiết bị phân tích nhiệt lượng (Bom nhiệt lượng)	Cái	1		1
17	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến (UV-VIS)	Bộ	2	1	1
18	Bộ chuẩn bước sóng cho máy phổ tử ngoại khả kiến (UV-VIS) và máy quang phổ hấp thụ nguyên tử, phạm vi (190 ÷ 1100)nm	Bộ	1		1
19	Máy chuẩn độ điện thế	Bộ	1	1	
20	Máy quang phổ hồng ngoại	Cái	1		1
21	Khúc xạ kế để bàn	Cái	2	1	1
22	Máy đo độ phân cực	Bộ	1	1	
23	Kính phân cực chuẩn dùng cho thiết bị phân tích chữ đường ADP 440	Bộ	1	1	
24	Hệ thống thiết bị thử nghiệm chất lượng vàng	Bộ	1		1
25	Hệ thống thiết bị thử nghiệm đồ chơi trẻ em	Bộ	1		1
26	Máy phân tích kích thước hạt nano và thế Zeta	Cái	1		1
27	Quang kế ngọn lửa	Cái	2	1	1

28	Bộ thiết bị phân tích đạm tự động theo phương pháp Dumas và phụ kiện	Bộ	1		1
29	Máy chưng cất đạm bán tự động	Cái	2	1	1
30	Bộ hấp thu khí độc	Bộ	3		3
31	Máy chưng cất nhanh và chuẩn độ tự động	Cái	2		2
32	Bộ đầu dò mức hóa chất và bình chứa	Bộ	2		2
33	Thiết bị chiết mẫu pha rắn (SPE) + Bơm hút chân không	Bộ	2		2
34	Bộ chiết pha rắn chân không 16 cổng	Bộ	2		2
35	Thiết bị trích ly chất béo (Soxhlet) hoàn toàn tự động	Bộ	2	1	1
36	Máy phá mẫu bằng tia hồng ngoại 12 chỗ	Cái	1		1
37	Lò vi sóng phá mẫu kim loại	Cái	2		2
38	Thiết bị cô quay chân không	Cái	2	1	1
39	Thiết bị thổi khí N2	Cái	2		2
40	Máy nghiền bi ly tâm	Cái	1	1	
41	Máy nghiền bi phòng thí nghiệm	Cái	2	1	
42	Máy đồng hóa mẫu	Cái	2		2
43	Bơm chân không 2 cấp và áp kế chân không	Cái	2	1	1
44	Bơm chân không 1 cấp và áp kế chân không	Cái	2	1	1
45	Bộ Sắc ký giấy	Bộ	1	1	
46	Bộ thiết bị chưng cất Cyanua, Asen ...	Bộ	1	1	
47	Máy cất nước một lần tự động	Cái	1	1	
48	Máy cất nước 2 lần	Cái	2	1	
49	Máy lọc nước RO	Cái	2		2
50	Máy lọc nước siêu sạch Purelab Flex 2	Cái	1		1
51	Bộ Sắc ký bản mỏng	Cái	2		2
52	Chén platin (có nắp)	Cái	2	1	1
53	Chén platin (không nắp)	Cái	2	1	1
54	Buret hiện số	Cái	4	1	3
55	Dụng cụ trợ Pipet dạng súng (Pipetus)	Cái	6	1	5
56	Pipetman – Micropipette – Pipet Tự động	Cái	6	1	5
57	Bếp đun bình cầu 100mL	Cái	3	1	2
58	Bếp đun bình cầu 250mL	Cái	5	1	4
59	Bếp đun bình cầu 500mL	Cái	4	0	4
60	Bếp đun bình cầu 1.000mL	Cái	4	1	3
61	Bếp đun bình cầu 2.000mL	Cái	3	0	3
62	Máy khuấy từ mini	Cái	6	1	5
63	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	3	1	2
64	Máy ly tâm và phụ kiện: Rotor, ống ly tâm,...	Bộ	1		1

65	Hệ thống máy ly tâm lạnh	Cái	1		1
66	Thiết bị thổi khí Nitrogen	Bộ	2		2
67	Tủ sấy đối lưu tự nhiên	Cái	2		2
68	Tủ sấy đối lưu bằng quạt	Cái	2		2
69	Tủ sấy điện tử, hiện số	Cái	3	1	2
70	Tủ sấy chân không	Cái	2		2
71	Máy sấy khô dụng cụ	Cái	3	1	2
72	Tủ ẩm	Cái	3	1	2
73	Lò nung (Max 1100 ⁰ C)	Cái	2	1	1
74	Lò nung (Max 1800 ⁰ C)	Cái	1		1
75	Bể điều nhiệt	Cái	3	1	2
76	Bể điều nhiệt lạnh	Cái	1		1
77	Bếp cách thủy 6 chỗ	Cái	3	1	2
78	Bếp cách cát, cách dầu	Cái	3	1	2
79	Bếp điện phẳng 2 vị trí	Cái	5	2	3
80	Bếp phá mẫu đạm 6 đến 8 vị trí	Bộ	2	1	1
81	Tủ lạnh thông dụng	Cái	4	1	3
82	Tủ mát Sanaky 400 L	Cái	3	2	1
83	Tủ lạnh âm sâu	Cái	2		2
84	Tủ đông bảo quản mẫu	Cái	2	1	1
85	Tủ lạnh bảo quản hóa chất xét nghiệm	Cái	2		2
86	Tủ an toàn sinh học cấp II	Cái	1		1
87	Máy lắc ống nghiệm	Cái	2		2
88	Máy lắc ngang	Cái	2		2
89	Máy lắc ổn nhiệt	Cái	2		2
90	Máy lắc Vortex	Cái	2		2
91	Máy đồng hóa mẫu	Cái	2		2
92	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	1		1
93	Máy đập mẫu vi sinh	Cái	1		1
94	Buret tự động, độ chính xác $\leq 2\%$	Cái	4		4
95	Bộ micro pipette đa kênh	Cái	8		8
96	Bể rửa siêu âm (22 Lít)	Cái	2		2
97	Bể rửa siêu âm (28 Lít)	Cái	2		2
98	Nồi hấp tiệt trùng (220 Lít)	Cái	1		1
99	Nồi hấp tiệt trùng (50 Lít)	Cái	2	1	1
100	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	2		2
101	Sàng tiêu chuẩn + khay hứng	Bộ	3	1	2
102	Bàn và tủ chứa hóa chất	Bộ	6		6
103	Tủ hút khí độc có ống dẫn	Bộ	6		6
104	Tủ đựng hóa chất có lọc hấp thu	Cái	2		2
105	Ống dẫn khí thải và co nối	Bộ	6		6

106	Bộ lấy mẫu bụi khí thải ống khói	Bộ	2		2
107	Thiết bị thu mẫu khí và bụi ống khói	Bộ	2		2
108	Máy lấy mẫu không khí	Cái	2	1	1
109	Bơm lấy mẫu khí/bụi	Cái	2		2
110	Thiết bị lấy mẫu khí thể tích lớn: 100-800 LPM	Cái	2		2
111	Bơm lấy mẫu bụi TSP xách tay thể tích lớn 150-1000 LPM	Cái	2	1	1
112	Thiết bị lấy mẫu bụi thể tích lớn	Cái	2	1	1
113	Bơm lấy mẫu khí lưu lượng thấp 0,8-5 LPM	Cái	2		2
114	Bơm lấy mẫu khí SO ₂ , NO ₂ , CO,... theo phương pháp hấp thụ (lưu lượng thấp từ 0,5-2 L/phút)	Cái	2		2
115	Máy lấy mẫu không khí kiểm tra vi sinh	Cái	1		1
116	Thiết bị đo chất lượng không khí	Cái	2		2
117	Thiết bị đo và phân tích khí thải	Bộ	1	1	
118	Bình khí chuẩn: SO ₂ , Nox, NO ₂ , HC, CO, NH ₃ , H ₂ S	Bộ	2	1	1
119	Dụng cụ đo lưu lượng khí thải công nghiệp	Cái	1	1	
120	Hệ thống đo khí độc trong ống khói kèm theo phụ kiện	Bộ	1		1
121	Thiết bị lấy mẫu nước theo tầng	Cái	2		2
122	Thiết bị lấy mẫu nước loại ngang, thể tích 2,2 L	Cái	2	1	1
123	Tủ xác định nhu cầu ôxi sinh hóa (BOD)	Cái	2	1	1
124	Thiết bị phản ứng COD	Cái	2	1	1
125	Máy đo pH cầm tay	Cái	2	1	1
126	Máy đo pH để bàn	Cái	2		2
127	Máy đo đa chỉ tiêu để bàn	Cái	2	1	1
128	Máy đo oxy hoà tan	Cái	2	1	1
129	Máy phân tích dầu mỡ trong nước	Bộ	2	1	1
130	Máy đo độ Brix cầm tay	Cái	2	1	1
131	Máy đo clo tự do và clo tổng	Cái	2		2
132	Máy định vị GPS cầm tay	Cái	2	1	1
133	Máy đo vi khí hậu	Cái	2	1	1
134	Máy đo tốc độ gió tích hợp nhiệt độ và áp suất khí quyển	Cái	2		2
135	Máy đo tiếng ồn	Cái	2	1	1
136	Máy đo cường độ ánh sáng	Cái	2	1	1
137	Máy đo khí độc đa chỉ tiêu (và phụ kiện)	Bộ	1		1
138	Máy đo khí CO tự động	Cái	1		1
139	Máy đo khí SO ₂ tự động	Cái	1		1

140	Thiết bị đo khí HC	Cái	1		1
141	Thiết bị đo nhiệt độ	Cái	2	1	1
142	Máy đo độ dẫn điện	Cái	2	1	1
143	Thiết bị đo điện từ trường	Cái	1		1
144	Thiết bị đo độ rung	Cái	1		1
145	Thiết bị đo lưu lượng nước thải	Cái	2		2
II	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THỬ NGHIỆM KHÔNG PHÁ HỦY				
II.1	Thử nghiệm Vật liệu xây dựng				
1	Máy kéo nén đa năng	Cái	1		1
2	Máy cắt sắt	Cái	2		2
3	Máy dò cốt thép trong bê tông	Cái	1		1
4	Máy nén bê tông	Cái	1	1	
5	Thiết bị thử độ cứng bê tông (Búa bật nảy-Súng bắn bê tông)	Cái	2		2
6	Máy khoan mẫu	Cái	2		2
7	Mũi khoan kim cương	Cái	2		2
8	Bộ thử nén	Cái	2	1	1
9	Máy thử nén mẫu gạch	Cái	1		1
10	Máy nén/uốn xi măng	Cái	1	1	
11	Bộ vicat tự động	Bộ	2		2
12	Bộ thiết bị đo độ mịn xi măng theo Blaine	Bộ	2		2
13	Cân kỹ thuật điện tử hiện số	Cái	2		2
14	Máy trộn vữa	Cái	2		2
15	Máy trộn vữa xi măng tự động	Cái	2		2
16	Bàn dẫn tạo mẫu	Cái	2		2
17	Thiết bị đo độ nghiêng	Cái	1		1
18	Máy thử uốn đa năng	Cái	1		1
19	Tủ sấy 300°C	Cái	2		2
20	Máy lắc sàng điện tử	Cái	2		2
21	Bộ sàng rây cấp phối (Đường kính 8 Mesh)	Bộ	2		2
22	Bàn dẫn khuôn côn	Cái	1		1
23	Thùng luộc mẫu	Cái	2	1	1
24	Tủ dưỡng mẫu	Cái	2	1	1
25	Bàn dẫn mẫu xi măng	Cái	2		2
26	Bộ thử uốn	Cái	2	1	1
27	Thiết bị đo sự thay đổi chiều dài	Cái	1		1
28	Bộ điện di ngang	Cái	1		1

II.2	Thử nghiệm không phá hủy (Bổ sung hệ thống thiết bị kiểm định an toàn lao động)				
1	Máy đo bề dày lớp phủ	Cái	1		1
2	Thiết bị kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp nội soi	Cái	1		1
3	Bộ thiết bị và dụng cụ kiểm tra khuyết tật bề mặt kim loại bằng phương pháp thẩm thấu	Bộ	1		1
4	Bộ dụng cụ kiểm tra khuyết tật bề mặt kim loại bằng phương pháp từ tính	Bộ	1		1
5	Bộ thiết bị, dụng cụ đo kích thước hình học	Bộ	2		2
6	Bộ đo khe hở, đo bán kính và đo góc	Bộ	2		2
7	Bộ thiết bị, dụng cụ phụ trợ phục vụ khám xét chuẩn đoán đường ống dẫn hơi nước, nước nóng, hệ thống lạnh và nồi hơi	Bộ	2		2
8	Thiết bị đo điện vạn năng	Cái	2		2
9	Ampe kìm AC/DC	Cái	2		2
10	Thiết bị đo nhiệt độ hồng ngoại	Cái	2		2
11	Máy kinh vĩ điện tử	Cái	1		1
12	Thiết bị đo vận tốc dài, tốc độ vòng quay	Cái	1		1
13	Thiết bị đo khoảng cách điện tử	Cái	1		1
14	Bộ hiển thị giao tiếp từ xa Communicator II	Bộ	1		1
15	Máy thủy bình	Cái	1		1
16	Máy dò và phát hiện rò rỉ khí gas lạnh	Cái	1		1
17	Máy đo nồng độ khí gas LPG	Cái	1		1
18	Máy siêu âm cọc khoan nhồi	Cái	1		1
19	Thiết bị đo độ chặt của nền đất, móng đường	Cái	1		1
20	Thiết bị hiệu chuẩn thiết bị lực (Hiệu chuẩn máy kéo, máy nén, búa bật nảy...)	Cái	1		1
D.II	LĨNH VỰC ĐO LƯỜNG				
I	Lĩnh vực đo khối lượng				
1	Cân điện tử 3100g	Cái	2	1	1
2	Cân kiểm chuẩn chỉ thị điện tử 34kg	Cái	2	1	1
3	Cân điện tử (mức cân tối đa: 220g)	Cái	2	1	1
4	Cân điện tử 6200g / 0,01g	Cái	2	1	1
5	Cân điện tử chính xác cao (220g/0.01mg)	Cái	2		2
6	Cân điện tử chính xác cao (520g/0.1mg)	Cái	2		2
7	Cân điện tử chính xác cao (10.2 kg/0.01g)	Cái	2		2
8	Cân điện tử chính xác cao (36.2 kg/0.1g)	Cái	2		2
9	Quả cân chuẩn cấp chính xác M1	Bộ	1		1

	Quả 20kg: 1500 quả				
	Quả 10kg: 100 quả				
	Quả 5kg: 20 quả				
	Quả 1kg: 4 quả				
	Quả 0,5kg: 4 quả				
10	Quả cân cấp chính xác M1, khối lượng 500 kg/quả	Quả	20		20
11	Hộp quả cân chuẩn 30kg (200g-10kg)	Cái	2	1	1
12	Bộ quả cân chuẩn E2 (1mg – 500mg)	Bộ	2	1	1
13	Bộ quả cân chuẩn E2 (1g – 500g)	Bộ	2	1	1
14	Bộ quả cân chuẩn F1 (1mg – 500mg)	Bộ	2	1	1
15	Bộ quả cân chuẩn F1 (1g – 500g)	Bộ	2	1	1
II	Lĩnh vực đo Dung tích – Lưu lượng				
1	Bộ bình chuẩn kim loại hạng 2 dùng để kiểm định và hiệu chuẩn: cột đo xăng dầu, thiết bị đo dung tích thông dụng	Bộ	2		2
2	Dàn kiểm định đồng hồ nước 14 cái	Cái	1		1
3	Hệ thống thiết bị kiểm định đồng hồ nước lạnh đường kính từ DN15 đến DN50 (cấp A, B, C)	Bộ	1		1
4	Hệ thống thiết bị kiểm định Đồng hồ nước lạnh đường kính 40- 150 mm, mặt bích, cấp chính xác A, B, C	Bộ	1		1
5	Phao đo lưu lượng (Lưu lượng kế thủy tĩnh)	Cái	1	1	
6	Bình chuẩn từng phần 500 lít	Cái	2	1	1
7	Bình chuẩn Inox 50 lít	Cái	2	1	1
8	Bình chuẩn kim loại 100 lít	Cái	2	1	1
9	Bình chuẩn kim loại 200 lít	Cái	2	1	1
10	Bộ thiết bị đo bề trụ đứng và ngang bằng phương pháp quang	Bộ	2		2
11	Máy bơm nước 1,5HP	Cái	2	1	1
12	Hệ thống kiểm định Xitec Ôtô	Bộ	1		1
III	Lĩnh vực đo Áp suất				
1	Bộ thiết bị kiểm định/ hiệu chuẩn áp suất đến 700 bar cấp chính xác cao đến 0.05%	Bộ	2		2
2	Bàn tạo áp và áp kế chuẩn	Bộ	2	1	1
	- 4 bar: ccx 0,25				
	- 10 bar: ccx 0,25				
	- 60 bar: ccx 0,25				
	- 400 bar: ccx 0,25				
	- 1,6 Mpa: ccx 0,4				
	- 250 kg/cm2: ccx 1				

	- 60 bar: ccx 0,4				
3	Thiết bị kiểm định/ hiệu chuẩn huyết áp kế	Cái	2	1	1
IV	Lĩnh vực đo Độ dài				
1	Thiết bị kiểm định Taximet (Bao gồm máy tính xách tay)	Bộ	1	1	
2	Hệ thống kiểm định Taximet lưu động	Bộ	2		2
3	Thiết bị phụ trợ cho bộ Taximet lưu động (Hộp chuyển đổi phổ biến Quang học) (Bao gồm máy tính xách tay)	Cái	2	1	1
4	Thiết bị kiểm định Phương tiện đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông (Bao gồm máy tính xách tay)	Bộ	2		2
V	Lĩnh vực đo lường Nhiệt				
1	Hệ thống thiết bị kiểm định/hiệu chuẩn nhiệt độ dải từ -40 đến 1300°C	Bộ	1	1	1
2	Bộ thiết bị chuẩn kiểm định nhiệt kế y học (phù hợp cả 3 loại Nhiệt kế thủy tinh cặp nách, nhiệt kế điện tử, nhiệt kế bức xạ hồng ngoại đo tại).	Bộ	1		1
3	Bộ thiết bị kiểm định nhiệt ẩm kế (Tủ chuẩn nhiệt ẩm kế).	Bộ	1		1
4	Bộ thiết bị hiệu chuẩn nhiệt độ đa kênh cho hiệu chuẩn tủ sấy/ lò nung và các buồng nhiệt.	Bộ	1		1
5	Bể điều nhiệt -40 °C đến 140 °C	Cái	1		1
6	Bể điều nhiệt 35 °C đến 650 °C	Cái	1		1
7	Bể điều nhiệt đến 1200 °C	Cái	1		1
VI	Lĩnh vực đo lường Hóa Lý				
1	Thiết bị kiểm định phương tiện đo độ ẩm nông sản	Cái	1		1
2	Thiết bị kiểm định Tỷ trọng kế	Cái	1		1
3	Thiết bị kiểm định phương tiện đo hàm lượng bụi trong không khí	Cái	1		1
4	Thiết bị kiểm định phương tiện đo nồng độ cặn trong hơi thở	Cái	2		2
5	Thiết bị kiểm định phương tiện đo nồng độ khí thải xe cơ giới	Cái	2		2
6	Thiết bị kiểm định phương tiện đo SO ₂ , CO ₂ , CO, NO _x trong không khí	Cái	2		2
7	Thiết bị kiểm định phương tiện đo: pH, nồng độ oxy hòa tan, độ dẫn điện, độ đục của nước, tổng chất rắn hòa tan trong nước	Cái	1		1
VII	Lĩnh vực đo Điện – Điện tử				
1	Bàn kiểm định công tơ điện 1 pha 12 vị trí	Cái	1	1	
2	Thiết bị kiểm tra độ bền cách điện	Cái	2	1	1

3	Bàn kiểm định công tơ điện 1 pha, 24 vị trí, cấp chính xác 0.1	Bộ	2		2
4	Bàn kiểm công tơ điện 3 pha, 24 vị trí, cấp chính xác 0.1	Bộ	2		2
5	Thiết bị kiểm định phương tiện đo điện tim	Bộ	2		2
6	Thiết bị kiểm định phương tiện đo điện não	Bộ	2		2
VIII	Lĩnh vực Quang học				
1	Thiết bị kiểm định phương tiện đo tiêu cự kính mắt	Bộ	2		2
2	Thiết bị kiểm định phương tiện đo độ khúc xạ mắt	Cái	2		2
3	Thiết bị kiểm định thấu kính đo thị lực	Cái	2		2
IX	Lĩnh vực kiểm định An toàn lao động				
1	Thiết bị kiểm định an toàn nồi hơi	Cái	1		1
	Áp kế chuẩn (< 200 bar)	Bộ	1		1
2	Hệ thống bơm thử thủy lực	Cái	1		1
3	Thiết bị kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp không phá hủy	Cái	1		1
4	Thiết bị kiểm tra chiều dày kim loại bằng phương pháp siêu âm	Cái	1		1
5	Thiết bị đo hình học bề mặt vật thể	Cái	2		2
6	Bộ thiết bị hiệu chuẩn nồi hấp tiệt trùng y tế	Bộ	1		1
7	Bơm thử thủy lực điều khiển điện dải nhỏ đến 40 bar	Cái	2		2
8	Bơm thử thủy lực điều khiển điện dải cao đến 70 bar	Cái	2		2
9	Thiết bị thử độ bền cách điện	Cái	2		2
10	Hệ thống thiết bị kiểm định an toàn thang máy	Bộ	2		2
11	Thiết bị kiểm tra chất lượng dây cáp thang máy	Cái	2		2
12	Thiết bị đo khoảng cách bằng laser	Cái	2		2
13	Máy đo điện trở cách điện kỹ thuật số	Cái	2		2
14	Máy đo điện trở tiếp địa kỹ thuật số	Cái	2	1	1
15	Máy đo cường độ ánh sáng, độ ồn, tốc độ gió.	Cái	2		2
16	Thiết bị đo đa năng dòng điện, điện áp	Cái	2		2
17	Máy toàn đạc	Cái	2		2
X	Bàn thí nghiệm chuyên dụng dùng để đặt thiết bị và thực hiện các thao tác thử nghiệm.	Bộ	40		40